

Số: 144/2024/QĐST-HNGĐ P - T, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Thanh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về giao người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thực Q, sinh ngày 09/10/2011.

Ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung. Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L đồng ý chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002662 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- THADS TP. PR-TC;
- UBND Phước Mỹ
(GCNKH năm 2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyễn Vy

Số: 147/2024/QĐST-HNGĐ P - T, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 7272023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Xuân T sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị Xuân T và ông Trần Hữu T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về giao người trực tiếp nuôi con:

Bà Phan Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thảo U, sinh ngày 24/8/2016.

Ông Trần Hữu T1 không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung. Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Phan Thị Xuân T đồng ý chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002618 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T. H lại cho bà Phan Thị Xuân T 100.000 đồng tiền chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- THADS TP. PR-TC;
- UBND xã Lâm Sơn, Ninh Sơn, Ninh Thuận (GCNKH ngày 05/01/2001);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyễn Vy

Ông Lê Thế V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.